TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 12/6/2024.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Giang.
2. Bà Y Hiền.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Trịnh Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Viết Ấ, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Viết Ấ *trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện kết hôn với nhau, khi kết hôn có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và chị Nguyễn Thị Thu H tự ý bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay, không quan tâm gì đến gia đình chồng, con.

Nay anh Nguyễn Viết Ấ thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn nguyên nhân là do chị Nguyễn Thị Thu H bỏ mặc chồng, con; vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc cho nhau. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/02/2008 và Nguyễn Viết C, sinh ngày 27/10/2015. Khi ly hôn anh Nguyễn Viết Ấ yêu cầu giải quyết cho anh được nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và thống báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa*: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Viết Ấ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Viết Ấ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/02/2008 và Nguyễn Viết C, sinh ngày 27/10/2015 cho anh Nguyễn Viết Ấ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và thống báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do. Như vậy, chị Nguyễn Thị Thu H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Viết Ấ và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 18/7/2007. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Viết Ấ và chị Nguyễn Thị Thu H là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh Nguyễn Viết Ấ trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và chị Nguyễn Thị Thu H tự ý bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay và không quan tâm gì đến gia đình chồng, con và vợ chồng đã sống ly thân từ 2019 đến nay. Tại phiên tòa anh Nguyễn Viết Ấ khẳng định hiện nay giữa anh và chị H không có tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, không quan tâm chăm sóc cho nhau, chị Nguyễn Thị Thu H đã bỏ mặc chồng, con từ nhiều năm nay nên anh tha thiết xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H để giải quyết công việc gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay chị Nguyễn Thị Thu H không còn quan tâm gì đến gia đình chồng, con; mặc dù vào ngày 31/3/2023 chị Nguyễn Thị Thu H có về liên hệ với Cơ quan công an để làm căn cước công dân và định danh điện tử mức độ 2 nhưng vẫn không liên lạc với gia đình, cố tình bỏ mặc chồng và các con, vợ chồng không còn sống chung với nhau nhiều năm, không còn thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ nhau. Như vậy, có thể thấy tình nghĩa vợ chồng giữa anh Nguyễn Viết Ấ và chị Nguyễn Thị Thu H không còn, mục đích hôn nhân hiện không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Viết Ấ với chị Nguyễn Thị Thu H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Khi ly hôn anh Nguyễn Viết Ấ có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/02/2008 và Nguyễn Viết C, sinh ngày 27/10/2015 và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ năm 2019 đến nay anh Nguyễn Viết Ấ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con; chị Nguyễn Thị Thu H không quan tâm gì đến các con và các con cũng có nguyên vọng được ở với anh Nguyễn Viết Ấ. Vì vậy, căn cứ Điều 58, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao 02 con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/02/2008 và Nguyễn Viết C, sinh ngày 27/10/2015 cho anh Nguyễn Viết Ấ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Viết Ấ không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Anh Nguyễn Viết Ấ chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp đủ trong quá trình giải quyết vụ án nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Viết Ấ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con''* của nguyên đơn anh Nguyễn Viết Ấ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Viết Ấ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/02/2008 và Nguyễn Viết C, sinh ngày 27/10/2015 cho anh Nguyễn Viết Ấ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Viết Ấ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001365 ngày 05/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Tiến